

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 291/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 28/11/2025.

V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Đoạt.

2/ Ông Giang Thành.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - An Giang tham gia phiên tòa:** Không.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 162/2025/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Thị D**, sinh năm 1989; Địa chỉ: Tổ G, ấp H, xã H, tỉnh An Giang (có đơn xin vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh **Danh T**, sinh năm 1986; Địa chỉ: ấp H, xã H, tỉnh An Giang (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết nguyên đơn chị Thị D trình bày như sau:

- **Về hôn nhân:** Chị Thị D và anh D1 T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau rồi đi đến hôn nhân vào năm 2015. Chị D và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân (UBND) xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang cũ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/11/2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất vui vẻ, hạnh phúc nhưng sau này thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, mà chủ yếu do hai người bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên chị và anh T thường xuyên cãi nhau và hiện chị D và anh T đã sống ly thân với nhau từ tháng 01 năm 2025 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân thì chị và anh T không còn liên lạc hay quan tâm gì đến nhau nữa. Hiện tại tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh D1 T1

- *Về con chung*: Quá trình chung sống với nhau giữa chị D và anh T có 03 người con chung tên Danh Thái B, sinh ngày 25/10/2009; Danh Quốc K, sinh ngày 02/9/2015 và Danh Thị Kim N, sinh ngày 17/8/2024. Ly hôn chị D yêu cầu được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Danh Thị Kim N1 đến tuổi thành niên; đồng ý giao cháu Danh T2 B và D1Quốc khánh cho anh T3 tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên. Chị D không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản và nợ chung*: Không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại đơn trình bày ngày 15/11/2025 bị đơn anh D1 T có ý kiến:

Về hôn nhân: Sau thời gian ngắn tìm hiểu, anh và chị D tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 152, quyển số: 01/2015, cấp ngày: 02/11/2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, tuy nhiên trong quá trình chung sống, giữa anh và chị D phát sinh nhiều mâu thuẫn vợ chồng, chủ yếu là do bất đồng trong quan điểm, tính cách không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, to tiếng với nhau. Trong một thời gian dài anh đã cố gắng chịu đựng vì con cái, nhưng giữa anh và chị D bây giờ không còn tình yêu mà chỉ là sự chịu đựng, kể từ tháng 01 năm 2025 anh và chị D không còn sống chung với nhau, vì vậy anh và chị D quyết định sống ly thân với nhau và không còn quan tâm hay chăm sóc đến nhau nữa.

Nay tình cảm vợ chồng giữa anh và chị D2 còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên anh đồng ý ly hôn với chị Thị Diệu .

Về con chung: Có 03 người con chung tên Danh Thái B, sinh ngày 25/10/2009; Danh Quốc K, sinh ngày 02/9/2015 và Danh Thị Kim N, sinh ngày 17/8/2024. Ly hôn, anh T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục cháu Danh T2 B và D1Quốc khánh cho đến tuổi thành niên; anh đồng ý giao cháu Danh Thị Kim N1 chị D được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên. Anh không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo đơn khởi kiện chị Thị D yêu cầu được ly hôn với anh D1 T1 Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn anh D1 T có nơi cư trú tại ấp H, xã H, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về tố tụng:* Nguyên đơn chị Thị D và bị đơn anh D1 T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Về hôn nhân:* Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Chị Thị D và anh D1 T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, anh chị có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 152, quyền số: 01/2015, cấp ngày: 02/11/2015. Như vậy, hôn nhân giữa chị Thị D và anh D1 T là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét về tình trạng hôn nhân Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn, chủ yếu là do tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống nên dẫn đến việc chị Thị D và anh D1 T thường xuyên cự cãi nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, mặc dù anh T4 cố gắng hàn gắn nhưng tình hình vẫn không thay đổi. Vì vậy hiện nay chị D và anh T đã sống ly thân với nhau từ tháng 01 năm 2025 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân cả chị D và anh T5 xác định không còn tình cảm với nhau nữa nên cuộc sống chung không thể kéo dài. Do đó, khi chị D yêu cầu ly hôn thì được

anh D1 T đồng ý. Điều này cho thấy cuộc sống vợ chồng của chị D và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Do đó, căn cứ vào Điều 55 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Thị D với anh D1 T1

[3.2] *Về con chung*: Chị Thị D và anh D1 T có 03 người con chung tên Danh Thái B, sinh ngày 25/10/2009; Danh Quốc K, sinh ngày 02/9/2015 và Danh Thị Kim N, sinh ngày 17/8/2024.

Xét yêu cầu xin được tiếp tục nuôi con của chị Thị D và anh Danh T là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ; từ khi chị D và anh T sống ly thân với nhau thì cháu Kim N2 được chị D nuôi dưỡng và cháu Danh T2 B; D2 đang được anh T6 dưỡng; các con chung đang được chị D và anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển bình thường. Hơn nữa chị D3 anh T5 thống nhất giao cháu N1 chị D; giao cháu B và K1 anh T6 dưỡng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự nên cần thiết ghi nhận. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của đương sự, giao cháu Danh Thị Kim N cho chị D được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên; giao cháu Danh T2 B và D1 Quốc khánh cho anh T3 tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Thị D và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Thị D và anh T7 định anh chị không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử miễn xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp thì đương sự có quyền khởi kiện ở vụ kiện dân sự khác.

[4] *Về án phí*: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 01/2024/HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình thì chị Thị D và anh Danh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; 227, 228 Điều 273 và Điều 280 BLTTDS năm 2015;

- Áp dụng các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 01/2024/HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Thị D với anh D1 T1

2/ Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của đương sự; giao cháu Danh Thái B, sinh ngày 25/10/2009 và Danh Quốc K, sinh ngày 02/9/2015 cho anh D1 T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên và giao cháu Danh Thị Kim N, sinh ngày 17/8/2024 cho chị Thị D được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên. Trừ trường hợp thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không xét.

Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Trong thời gian nuôi con; chị D và anh T được quyền đến thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3/ Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xét.

4/ Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng và anh D1 T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng. Nhưng chị D tự nguyện nộp thay cho anh T8 số tiền án phí phải nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0003565 ngày 09/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Như vậy, chị D không phải nộp thêm, anh T không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

5/ Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 4 - An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ vụ án.

Trịnh Thị Hồng Diệp